

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KÌ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS NĂM 2017
TỈNH QUẢNG NINH Môn thi: GIÁO DỤC CÔNG DÂN – Bảng A

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

Ngày thi: 03/3/2017

Thời gian làm bài: 150 phút, không kể thời gian giao đề

(Đề thi này có 01 trang)

Câu 1. (6,0 điểm)

Tình huống: Nam 13 tuổi. Một lần, Nam sử dụng xe máy đi vào đường ngược chiều và đâm phải bác Ba đi xe đạp làm bác Ba bị thương. Hoàng sợ, Nam phóng xe bỏ chạy bất chấp đèn đỏ. Nhưng một chiến sĩ cảnh sát giao thông đã đuổi kịp và giữ Nam lại.

1. Em hãy nhận xét hành vi của Nam và chỉ ra các lỗi vi phạm của Nam?
2. Theo em, trong trường hợp này Nam và bố mẹ Nam có trách nhiệm gì?
3. Từ đó, em hiểu thế nào là pháp luật? Nhận xét điểm khác nhau giữa pháp luật và kỉ luật.
4. Liên hệ trách nhiệm của bản thân em trong việc thực hiện pháp luật và kỉ luật.

Câu 2. (5,0 điểm)

1. Có ý kiến cho rằng: Năng động, sáng tạo là phẩm chất cần có của người lao động trong mọi thời đại. Em có tán thành ý kiến đó không? Vì sao?

2. Kể một tấm gương học sinh hoặc sinh viên năng động, sáng tạo mà em biết.

(Viết không quá 20 dòng).

3. Để trở thành người năng động, sáng tạo em phải rèn luyện như thế nào?

Câu 3. (5,0 điểm)

Từ ngày 13-15/10/2016, mưa lớn kéo dài trên diện rộng khiến nhiều địa phương ở miền Trung bị thiệt hại nặng nề, hàng vạn ngôi nhà đã bị nhấn chìm trong biển nước. Nhân dân cả nước đã hướng về miền Trung thân yêu bằng tấm lòng sẻ chia với những hành động giúp đỡ thiết thực.

1. Từ những thông tin trên, em hãy viết một đoạn văn (từ 15 đến 20 câu) trình bày suy nghĩ của em về việc phát huy truyền thống “Tương thân, tương ái” đối với nhân dân miền Trung trong thời điểm này?

2. Em hãy đề xuất bốn hoạt động với nhà trường nhằm giữ gìn và giáo dục truyền thống dân tộc cho học sinh?

Câu 4. (4,0 điểm)

Trong bức thư của Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ IX diễn ra tại thủ đô Hà Nội từ ngày 17 - 21/12/2007 gửi thanh thiếu nhi cả nước có đoạn viết:

“... Đối với tuổi trẻ thời cơ, vận hội đang tạo ra điều kiện cho từng người học tập, cống hiến, trưởng thành; khó khăn, thách thức lại là môi trường cho mỗi người chúng ta rèn luyện ý chí, bản lĩnh để vươn lên tự khẳng định, tự hoàn thiện bản thân...”

Từ nhận định trên, em hãy làm rõ trách nhiệm của thế hệ trẻ Việt Nam nói chung và Quảng Ninh nói riêng trong giai đoạn hiện nay?

-----Hết-----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh Số báo danh

Chữ kí của cán bộ coi thi 1 Chữ kí của cán bộ coi thi 2

(Hướng dẫn này có 03 trang)

I. HƯỚNG DẪN CHUNG.

1. Cán bộ chấm thi chấm đúng như đáp án, thang điểm của Sở Giáo dục và Đào tạo.
2. Hướng dẫn chấm chủ yếu được biên soạn theo hướng “mở” chỉ nêu các ý chính từ đó phát triển thành các ý cụ thể. Trong quá trình chấm cần quan tâm đến lý giải, lập luận của học sinh.
3. Nếu có câu nào, ý nào mà thí sinh có cách diễn đạt khác, ví dụ khác với hướng dẫn chấm nhưng vẫn đáp ứng và thỏa mãn được các yêu cầu của đề thi vẫn cho điểm tối đa của câu, ý đó theo thang điểm.

II. HƯỚNG DẪN CHẤM CHI TIẾT.

Câu	Sơ lược lời giải	Điểm
Câu 1 (6,0 điểm)	1. Học sinh nhận xét hành vi của Nam và chỉ ra các lỗi vi phạm của Nam.	1,25
	- <i>Hành vi của Nam</i> : là vi phạm pháp luật. (Vi phạm Luật Giao thông)	0,25
	- <i>Các lỗi vi phạm của Nam</i> :	
	+ Chưa đủ tuổi để sử dụng xe máy.	0,25
	+ Đi sai phần đường quy định. <i>Đi vào đường ngược chiều.</i>	0,25
	+ Vượt đèn đỏ	0,25
	+ Gây tai nạn giao thông	0,25
	2. Học sinh nêu được trách nhiệm của Nam và trách nhiệm của bố mẹ Nam.	1,25
	- <i>Trách nhiệm của Nam</i> :	
	+ Xin lỗi bác Ba và cùng bác tới bệnh viện.	0,25
+ Báo cho bố mẹ biết để chăm sóc, bồi thường thiệt hại cho bác Ba.	0,25	
- <i>Trách nhiệm của bố mẹ Nam</i> :		
+ Gặp bác Ba xin lỗi bác và bồi thường thiệt hại cho bác về hành vi của con mình.	0,25	
+ Có trách nhiệm giáo dục Nam thực hiện đúng quy định của pháp luật.	0,25	
+ Phải chịu xử phạt hành chính về hành vi của con mình trước cơ quan pháp luật.	0,25	
3. Học sinh nêu được khái niệm pháp luật và chỉ ra được điểm khác nhau giữa pháp luật với kỉ luật	2,5	
- Pháp luật là những quy tắc xử sự chung, có tính bắt buộc, do Nhà nước ban hành, được Nhà nước đảm bảo thực hiện bằng các biện pháp giáo dục, thuyết phục, cưỡng chế.	0,5	
- Điểm khác nhau giữa pháp luật và kỉ luật.		
	Pháp luật	Kỉ luật

	Cơ sở	- Là những quy tắc xử sự chung.	- Là những quy định chung.	0,25
	Tính chất	- Có tính bắt buộc.	- Yêu cầu mọi người phải tuân theo.	0,25
	Phạm vi	- Có tính hiệu lực trong toàn quốc.	- Có tính hiệu lực trong một tổ chức cộng đồng.	0,25
	Cơ quan ban hành	- Do Nhà nước ban hành.	- Do tổ chức xã hội, cộng đồng đề ra.	0,25
	Biện pháp thực hiện	- Nhà nước đảm bảo thực hiện bằng giáo dục, thuyết phục cưỡng chế.	- Thực hiện bằng tự giác, giáo dục.	0,5
	Hậu quả	- Người vi phạm bị xử lí theo các quy định của pháp luật.	- Người vi phạm bị xử lí theo các quy định của cơ quan, đơn vị.	0,5
	4. Học sinh liên hệ trách nhiệm của bản thân trong việc thực hiện pháp luật và kỉ luật.			1,0
	- Nắm vững những quy định của pháp luật và nội quy của nhà trường.			0,25
	- Nghiêm túc chấp hành những quy định của pháp luật và nội quy của nhà trường.			0,25
	- Phê phán, đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật và kỉ luật.			0,25
	- Tuyên truyền, vận động mọi người thực hiện nghiêm túc pháp luật và kỉ luật.			0,25
Câu 2 (5,0 điểm)	1. Học sinh bày tỏ quan điểm:			2,0
	- Tán thành với ý kiến: <i>Năng động, sáng tạo là phẩm chất cần có của người lao động trong mọi thời đại. Vì:</i>			0,5
	+ Xã hội muốn phát triển thì phải nhờ vào người lao động, mà năng động, sáng tạo là phẩm chất cần thiết của tất cả mọi người để công việc đạt kết quả cao. <i>Luật lệ là chất cần thiết</i>			0,75
	+ Năng động, sáng tạo giúp con người vượt qua được thử thách, hoàn thành công việc được giao, đạt được kết quả cao trong học tập, lao động, cuộc sống, góp phần xây dựng gia đình và xã hội.			0,75
	2. Học sinh kể về một tấm gương học sinh hoặc sinh viên có đức tính năng động, sáng tạo.			2,5
	Yêu cầu:			
	- Viết đúng số dòng, lời văn kể rõ ràng, mạch lạc, đúng chính tả. <i>→ 0,5</i>			0,5
- Tấm gương có tên, địa chỉ cụ thể (tấm gương là bạn cùng lớp, trường, hoặc qua những kênh thông tin mà em biết).			1,0	
- Kể được những việc làm thể hiện sự năng động, sáng tạo của người đó (suy nghĩ, việc làm, kết quả).			0,5	
- Ý nghĩa của tấm gương đối với người kể: cảm phục, học tập và làm theo tấm gương đó,...			0,5	
- Liên hệ bản thân			0,5	
3. Học sinh cần rèn luyện.			0,5	
- Cần tìm ra cách học tập tốt nhất cho mình.			0,25	

	- Tích cực vận dụng những điều đã biết vào cuộc sống.	0,25
Câu 3 (5,0 điểm)	1. Viết đoạn văn trình bày về việc thực hiện truyền thống “Tương thân tương ái” cần đảm bảo các yêu cầu.	4,0
	- Hình thức: Trình bày theo đúng thể thức của một đoạn văn, đủ số câu, diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, trình bày đúng chính tả.	
	- Nội dung:	
	+ Nêu khái niệm truyền thống, liệt kê một số truyền thống của Việt Nam, trong đó có truyền thống “Tương thân, tương ái”...	1,0
	+ Nêu được thế nào là truyền thống “Tương thân tương ái”	0,5
	+ Biểu hiện của truyền thống “Tương thân tương ái” ở thời điểm trước kia và hiện nay.	0,5
	+ Nhấn mạnh vào tình hình ở miền Trung.	0,5
	+ Ý nghĩa của việc phát huy truyền thống trong thời điểm hiện nay.	0,5
	+ Phê phán những hành vi đi ngược lại truyền thống “Tương thân, tương ái”.	0,5
	+Trách nhiệm của bản thân: ủng hộ, cứu trợ, giúp đỡ mọi người....	0,5
2. Học sinh nêu được bốn đề xuất với nhà trường. Ví dụ:	1,0	
- Tổ chức các hoạt động văn nghệ theo chủ đề cho học sinh	0,25	
- Tổ chức các trò chơi dân gian	0,25	
- Tổ chức các hoạt động ngoại khóa tìm hiểu các di tích lịch sử địa phương	0,25	
- Tham gia các lễ hội truyền thống của địa phương	0,25	
Câu 4 (4,0 điểm)	Học sinh nêu được trách nhiệm của thế hệ trẻ Việt Nam nói chung và Quảng Ninh nói riêng trong giai đoạn hiện nay.	4,0
	- Trong giai đoạn hiện nay tuổi trẻ đang đứng trước những thời cơ và thách thức:	
	+ Thời cơ: xu thế hội nhập..., sự phát triển kinh tế - chính trị xã hội đất nước...	0,5
	+ Thách thức: trình độ ngoại ngữ..., những cám dỗ..., sự cạnh tranh...,	0,5
	Trách nhiệm:	
	- Xác định lý tưởng sống đúng đắn, chủ động vượt qua mọi khó khăn, thách thức...	0,5
	- Tận dụng những thời cơ mà đất nước, xã hội tạo ra cho tất cả mỗi người đặc biệt là với thanh thiếu niên...	0,5
	- Ra sức học tập văn hóa, khoa học kỹ thuật, tu dưỡng đạo đức, tu tưởng chính trị...	0,5
	- Có lối sống lành mạnh, rèn luyện các kỹ năng, phát triển các năng lực, có ý thức rèn luyện sức khỏe. Tránh xa các tệ nạn xã hội...	0,5
	- Tích cực tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, lao động sản xuất, xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp hóa, hiện đại hóa.	0,5
	- Liên hệ bản thân...	0,5
Tổng điểm toàn bài		20,0

-----Hết-----

Thầy Minh Đức

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KÌ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS NĂM 2017
TỈNH QUẢNG NINH Môn thi: GIÁO DỤC CÔNG DÂN - Bảng B

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

Ngày thi: **03/3/2017**

Thời gian làm bài: **150 phút, không kể thời gian giao đề**

(Đề thi này có 01 trang)

Câu 1. (6,0 điểm)

Tình huống: *Nam 13 tuổi. Một lần, Nam sử dụng xe máy đi vào đường ngược chiều và đâm phải bác Ba đi xe đạp làm bác Ba bị thương. Hoàng sợ, Nam phóng xe bỏ chạy bất chấp đèn đỏ. Nhưng một chiến sĩ cảnh sát giao thông đã đuổi kịp và giữ Nam lại.*

1. Em hãy nhận xét hành vi của Nam và chỉ ra các lỗi vi phạm của Nam?
2. Theo em, trong trường hợp này Nam và bố mẹ Nam có trách nhiệm gì?
3. Từ đó, em hiểu thế nào là pháp luật? Nhận xét điểm khác nhau giữa pháp luật và kỉ luật.
4. Liên hệ trách nhiệm của bản thân em trong việc thực hiện pháp luật và kỉ luật.

Câu 2. (5,0 điểm)

1. Hãy nêu sự cần thiết của đức tính năng động sáng tạo? Nêu hai biểu hiện năng động sáng tạo và hai biểu hiện không năng động sáng tạo trong học tập của học sinh.

2. Có ý kiến cho rằng: *Chỉ hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh mới cần năng động, sáng tạo.* Em có đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao?

Câu 3. (5,0 điểm)

Từ ngày 13-15/10/2016, mưa lớn kéo dài trên diện rộng khiến nhiều địa phương ở miền Trung bị thiệt hại nặng nề, hàng vạn ngôi nhà đã bị nhấn chìm trong biển nước. Nhân dân cả nước đã hướng về miền Trung thân yêu bằng tấm lòng sẻ chia với những hành động giúp đỡ thiết thực.

1. Từ những thông tin trên, em hãy viết một đoạn văn (từ 15 đến 20 câu) trình bày suy nghĩ của em về việc phát huy truyền thống "*Tương thân, tương ái*" đối với nhân dân miền Trung trong thời điểm này?

2. Nêu bốn việc làm của em góp phần giữ gìn và phát huy những lễ hội truyền thống của địa phương.

Câu 4. (4,0 điểm)

Trong bức thư của Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ IX diễn ra tại thủ đô Hà Nội từ ngày 17 - 21/12/2007 gửi thanh thiếu nhi cả nước có đoạn viết:

"... Đối với tuổi trẻ thời cơ, vận hội đang tạo ra điều kiện cho từng người học tập, cống hiến, trưởng thành; khó khăn, thách thức lại là môi trường cho mỗi người chúng ta rèn luyện ý chí, bản lĩnh để vươn lên tự khẳng định, tự hoàn thiện bản thân..."

Từ nhận định trên, em hãy làm rõ trách nhiệm của thế hệ trẻ Việt Nam nói chung và Quảng Ninh nói riêng trong giai đoạn hiện nay?

-----Hết-----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh Số báo danh
Chữ kí của cán bộ coi thi 1 Chữ kí của cán bộ coi thi 2

(Hướng dẫn này có 03 trang)

I. HƯỚNG DẪN CHUNG.

1. Cán bộ chấm thi chấm đúng như đáp án, thang điểm của Sở Giáo dục và Đào tạo.
2. Hướng dẫn chấm chủ yếu được biên soạn theo hướng “mở” chỉ nêu các ý chính từ đó phát triển thành các ý cụ thể. Trong quá trình chấm cần quan tâm đến lý giải, lập luận của học sinh.
3. Nếu có câu nào, ý nào mà thí sinh có cách diễn đạt khác, ví dụ khác với hướng dẫn chấm nhưng vẫn đáp ứng và thỏa mãn được các yêu cầu của đề thì vẫn cho điểm tối đa của câu, ý đó theo thang điểm.

II. HƯỚNG DẪN CHẤM CHI TIẾT.

Câu	Sơ lược lời giải	Điểm						
Câu 1 (6,0 điểm)	1. Học sinh nhận xét hành vi của Nam và chỉ ra các lỗi vi phạm của Nam.	1,25						
	- <i>Hành vi của Nam:</i> là vi phạm pháp luật. (Vi phạm Luật Giao thông)	0,25						
	- <i>Các lỗi vi phạm của Nam:</i>							
	+ Chưa đủ tuổi để sử dụng xe máy.	0,25						
	+ Đi sai phần đường quy định	0,25						
	+ Vượt đèn đỏ	0,25						
	+ Gây tai nạn giao thông	0,25						
	2. Học sinh nêu được trách nhiệm của Nam và trách nhiệm của bố mẹ Nam	1,25						
	- <i>Trách nhiệm của Nam:</i>							
	+ Xin lỗi bác Ba và cùng bác tới bệnh viện.	0,25						
+ Báo cho bố mẹ biết để chăm sóc, bồi thường thiệt hại cho bác Ba.	0,25							
- <i>Trách nhiệm của bố mẹ Nam:</i>								
+ Gặp bác Ba xin lỗi bác và bồi thường thiệt hại cho bác về hành vi của con mình.	0,25							
+ Có trách nhiệm giáo dục Nam thực hiện đúng quy định của pháp luật.	0,25							
+ Phải chịu xử phạt hành chính về hành vi của con mình trước cơ quan pháp luật.	0,25							
3. Học sinh nêu được khái niệm pháp luật và chỉ ra được điểm khác nhau giữa pháp luật với kỉ luật.	2,5							
- Pháp luật là những quy tắc xử sự chung, có tính bắt buộc, do Nhà nước ban hành, được Nhà nước đảm bảo thực hiện bằng các biện pháp giáo dục, thuyết phục, cưỡng chế.	0,5							
- Điểm khác nhau giữa pháp luật và kỉ luật.								
	<table border="1"> <thead> <tr> <th></th> <th>Pháp luật</th> <th>Kỉ luật</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Cơ sở</td> <td>- Là những quy tắc xử sự chung.</td> <td>- Là những quy định chung.</td> </tr> </tbody> </table>		Pháp luật	Kỉ luật	Cơ sở	- Là những quy tắc xử sự chung.	- Là những quy định chung.	0,25
	Pháp luật	Kỉ luật						
Cơ sở	- Là những quy tắc xử sự chung.	- Là những quy định chung.						

	Tính chất	- Có tính bắt buộc.	- Yêu cầu mọi người phải tuân theo.	0,25
	Phạm vi	- Có tính hiệu lực trong toàn quốc.	- Có tính hiệu lực trong một tổ chức cộng đồng.	0,25
	Cơ quan ban hành	- Do Nhà nước ban hành.	- Do tổ chức xã hội, cộng đồng đề ra.	0,25
	Biện pháp thực hiện	- Nhà nước đảm bảo thực hiện bằng giáo dục, thuyết phục cưỡng chế.	- Thực hiện bằng tự giác, giáo dục.	0,5
	Hậu quả	- Người vi phạm bị xử lí theo các quy định của pháp luật.	- Người vi phạm bị xử lí theo các quy định của cơ quan, đơn vị.	0,5
	4. Học sinh liên hệ trách nhiệm của bản thân trong việc thực hiện pháp luật và kỉ luật.			1,0
	- Nắm vững những quy định của pháp luật và nội quy của nhà trường.			0,25
	- Nghiêm túc chấp hành những quy định của pháp luật và nội quy của nhà trường.			0,25
	- Phê phán, đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật và kỉ luật.			0,25
	- Tuyên truyền, vận động mọi người thực hiện nghiêm túc pháp luật và kỉ luật.			0,25
Câu 2 (5,0 điểm)	1. Sự cần thiết của đức tính năng động, sáng tạo:			2,0
	- Năng động sáng tạo là phẩm chất rất cần thiết của người lao động trong xã hội hiện đại.			0,5
	- Năng động, sáng tạo giúp con người có thể vượt qua được những ràng buộc của hoàn cảnh, vươn lên làm chủ bản thân, làm chủ cuộc sống.			0,5
	- Rút ngắn thời gian một cách nhanh chóng và tốt đẹp.			0,5
	- Nhờ năng động, sáng tạo mà con người làm nên những kì tích vẻ vang, đem lại niềm vinh dự cho bản thân, gia đình và đất nước.			0,5
	* Học sinh nêu hai biểu hiện năng động sáng tạo và hai biểu hiện không năng động sáng tạo. Ví dụ:			1,0
	- Hai biểu hiện năng động sáng tạo:			
	+ Mạnh dạn học hỏi khi có điều gì chưa hiểu.			0,25
	+ Say mê tìm tòi, sưu tầm thêm những bài tập ngoài sách giáo khoa.			0,25
	- Hai biểu hiện không năng động sáng tạo.			
+ Không biết tìm ra những cách giải khác.			0,25	
+ Chỉ làm theo những điều đã được hướng dẫn, chỉ bảo.			0,25	
2. Học sinh bày tỏ quan điểm:			2,0	
- Em không đồng ý với ý kiến: <i>Chỉ hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh mới cần năng động, sáng tạo.</i> Vì:			0,5	
+ Năng động, sáng tạo là phẩm chất rất cần thiết của người lao động trong xã hội hiện đại.			0,5	
+ Không chỉ trong lĩnh vực kinh doanh mà trong tất cả các lĩnh vực, lao động trí óc, lao động chân tay đều cần đến năng động, sáng tạo vì nó giúp rút ngắn thời gian để nâng cao năng suất, hiệu quả công việc.			0,5	
+ Cuộc sống hiện đại với nền khoa học tiên tiến rất cần những con			0,5	

	người năng động, sáng tạo. Vì vậy học sinh cần rèn luyện để trở thành người năng động, sáng tạo.	
Câu 3 (5,0 điểm)	1. Viết đoạn văn trình bày về việc thực hiện truyền thống “Tương thân tương ái” cần đảm bảo các yêu cầu:	4,0
	- Hình thức: Trình bày theo đúng thể thức của một đoạn văn, đủ số câu, diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, trình bày đúng chính tả.	
	- Nội dung:	
	+ Nêu khái niệm truyền thống, liệt kê một số truyền thống của Việt Nam, trong đó có truyền thống “Tương thân, tương ái”...	1,0
	+ Nêu được thể nào là truyền thống “Tương thân tương ái”	0,5
	+ Biểu hiện của truyền thống “Tương thân tương ái” ở thời điểm trước kia và hiện nay.	0,5
	+ Nhấn mạnh vào tình hình ở miền Trung.	0,5
+ Ý nghĩa của việc phát huy truyền thống trong thời điểm hiện nay.	0,5	
+ Phê phán những hành vi đi ngược lại truyền thống “Tương thân tương ái”.	0,5	
+Trách nhiệm của bản thân: ủng hộ, cứu trợ, giúp đỡ mọi người....	0,5	
	2. Học sinh nêu được bốn việc làm của bản thân. Ví dụ:	1,0
	- Tích cực tìm hiểu và tham gia các lễ hội truyền thống ở địa phương	0,25
	- Trân trọng và giữ gìn các truyền thống tốt đẹp của địa phương.	0,25
	- Thăm các bảo tàng lịch sử để tìm hiểu về các truyền thống địa phương.	0,25
	- Giới thiệu những lễ hội của địa phương cho các bạn trong nước và quốc tế.	0,25
Câu 4 (4,0 điểm)	Học sinh nêu được trách nhiệm của thế hệ trẻ Việt Nam nói chung và Quảng Ninh nói riêng trong giai đoạn hiện nay.	4,0
	- Trong giai đoạn hiện nay tuổi trẻ đang đứng trước những thời cơ và thách thức:	
	+ Thời cơ: xu thế hội nhập..., sự phát triển kinh tế- chính trị xã hội đất nước...	0,5
	+ Thách thức: trình độ ngoại ngữ..., những cám dỗ..., sự cạnh tranh..., Trách nhiệm:	0,5
	- Xác định lý tưởng sống đúng đắn, chủ động vượt qua mọi khó khăn, thách thức...	0,5
	- Tận dụng những thời cơ mà đất nước, xã hội tạo ra cho tất cả mỗi người đặc biệt là với thanh thiếu niên...	0,5
	- Ra sức học tập văn hóa, khoa học kỹ thuật, tu dưỡng đạo đức, tu tưởng chính trị...	0,5
	- Có lối sống lành mạnh, rèn luyện các kĩ năng, phát triển các năng lực, có ý thức rèn luyện sức khỏe. Tránh xa các tệ nạn xã hội...	0,5
	- Tích cực tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, lao động sản xuất, xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp hóa, hiện đại hóa.	0,5
	- Liên hệ bản thân...	0,5
Tổng điểm toàn bài		20,0

Nguyễn Tuyết - Hà Long.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KỶ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS NĂM 2017
TỈNH QUẢNG NINH Môn thi: ĐỊA LÍ - Bảng B

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

Ngày thi: **03/3/2017**

Thời gian làm bài: **150 phút, không kể thời gian giao đề**
(Đề thi này có 02 trang)

Câu 1. (3,5 điểm)

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học em hãy:

- a) Trình bày vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ của nước ta.
- b) Nêu ý nghĩa về mặt kinh tế của vị trí địa lí nước ta.

Câu 2. (2,5 điểm)

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học em hãy:

- a) Phân tích đặc điểm địa hình của vùng núi Đông Bắc.
- b) Cho biết khu vực đồi núi của tỉnh Quảng Ninh có thể mạnh phát triển những ngành kinh tế gì?

Câu 3. (3,0 điểm)

Cho bảng số liệu:

Lao động đang làm việc phân theo thành thị và nông thôn của nước ta giai đoạn 2005 - 2014

Đơn vị: nghìn người

Năm	Cả nước	Thành thị	Nông thôn
2005	42774,9	10689,1	32085,8
2008	46460,8	12499,0	33961,8
2012	51422,4	15412,0	36010,4
2014	52744,5	16009,0	36735,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2014 - Nhà xuất bản Thống kê 2014)

- a) Nhận xét sự thay đổi cơ cấu lao động đang làm việc phân theo thành thị và nông thôn của nước ta giai đoạn 2005 - 2014.
- b) Nguồn lao động nước ta có những mặt mạnh gì?

Câu 4. (5,5 điểm)

Cho bảng số liệu:

Cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta năm 2002 và 2014

Đơn vị: %

Các thành phần kinh tế	Năm	
	2002	2014
Kinh tế Nhà nước	38,4	31,9
Kinh tế tập thể	8,0	5,1
Kinh tế tư nhân	8,3	10,9
Kinh tế cá thể	31,6	32,0
Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	13,7	20,1
Tổng	100,0	100,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2014 - Nhà xuất bản Thống kê 2014)

- a) Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế nước ta năm 2002 và 2014.
- b) Nhận xét về sự chuyển dịch cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta giai đoạn 2002 - 2014. Sự chuyển dịch đó có ý nghĩa gì?

Câu 5. (5,5 điểm)

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học em hãy:

- a) Phân tích những điều kiện thuận lợi trong phát triển công nghiệp vùng Đông Nam Bộ.
- b) Xác định trung tâm công nghiệp lớn nhất vùng Đông Nam Bộ (tên trung tâm, quy mô, cơ cấu ngành).

----- Hết -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam (Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam); không được sử dụng các tài liệu khác.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh: Số báo danh:

Chữ kí của cán bộ coi thi 1: Chữ kí của cán bộ coi thi 2:

Câu	Sơ lược lời giải	Điểm
Câu 1 3,5 điểm	a) Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ của nước ta.	
	- Việt Nam nằm ở khu vực Đông Nam Á, toàn vẹn lãnh thổ bao gồm đất liền, vùng biển và vùng trời.	0,25
	- Phần đất liền: + Diện tích: 331 212 km ² + Các điểm cực:	0,25
	Bắc: Lũng Cú - Đồng Văn - Hà Giang (23 ⁰ 23' B; 105 ⁰ 20' Đ)	0,25
	Nam: Đất Mũi - Ngọc Hiển - Cà Mau (8 ⁰ 34' B; 104 ⁰ 40' Đ)	0,25
	Tây: Sín Thầu - Mường Nhé - Điện Biên (22 ⁰ 22' B; 102 ⁰ 09' Đ)	0,25
	Đông: Vạn Thạnh - Vạn Ninh - Khánh Hòa (12 ⁰ 40' B; 109 ⁰ 24' Đ)	0,25
	(thiếu tọa độ địa lí trừ 0,25đ)	
	+ Phía bắc giáp Trung Quốc, phía tây giáp Lào và Cam-pu-chia, phía đông giáp Biển Đông.	0,25
	- Vùng biển: + Diện tích khoảng 1 triệu km ² . + Các đảo xa nhất về phía đông thuộc quần đảo Trường Sa.	0,25 0,25
- Vùng trời: khoảng không gian bao trùm lên trên lãnh thổ nước ta cả phần đất liền và phần biển.	0,25	
b) Ý nghĩa về mặt kinh tế của vị trí địa lí.		
- Thuận lợi giao lưu kinh tế với các nước trong khu vực và thế giới bằng nhiều loại hình giao thông vận tải.	0,5	
- Giáp vùng biển giàu tiềm năng thuận lợi cho phát triển mạnh kinh tế biển và giao lưu quốc tế.	0,5	
Câu 2 2,5 điểm	a) Đặc điểm địa hình của vùng núi Đông Bắc.	
	- Vùng núi Đông Bắc nằm từ tả ngạn sông Hồng đi từ dãy Con Voi đến vùng đồi núi ven biển Quảng Ninh.	0,25
	- Độ cao trung bình: 600 - 700 m chủ yếu là đồi núi thấp.	0,25
	- Hướng nghiêng chung: địa hình cao ở phía Bắc, Tây Bắc thấp dần xuống phía Nam, Đông Nam.	0,25
	- Hướng núi chính: chủ yếu là hướng vòng cung gồm các cánh cung (sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều). Ngoài ra còn có các dãy núi hướng Tây Bắc - Đông Nam (dãy Con Voi, dãy Tam Đảo).	0,5
	- Các dạng địa hình chính: phía Bắc và Tây Bắc núi cao, trung tâm và Đông Nam là đồi núi thấp. Vùng có địa hình cácxtơ khá phổ biến.	0,5
b) Các thế mạnh phát triển kinh tế vùng đồi núi tỉnh Quảng Ninh.		

	- Khai thác khoáng sản (than, đá xây dựng). - Trồng rừng, cây công nghiệp (chè) cây dược liệu (quế, hồi), cây ăn quả. - Du lịch; chăn nuôi gia súc (trâu, bò, dê)	0,25 0,25 0,25																				
Câu 3 3,0 điểm	a) Nhận xét sự thay đổi cơ cấu lao động đang làm việc phân theo thành thị và nông thôn của nước ta giai đoạn 2005 - 2014.																					
	* Nhận xét: - Xử lý bảng số liệu: Cơ cấu lao động đang làm việc phân theo thành thị và nông thôn của nước ta giai đoạn 2005 - 2014 Đơn vị: %																					
	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>Cả nước</th> <th>Thành thị</th> <th>Nông thôn</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2005</td> <td>100,0</td> <td>25,0</td> <td>75,0</td> </tr> <tr> <td>2008</td> <td>100,0</td> <td>26,9</td> <td>73,1</td> </tr> <tr> <td>2012</td> <td>100,0</td> <td>30,0</td> <td>70,0</td> </tr> <tr> <td>2014</td> <td>100,0</td> <td>30,4</td> <td>69,6</td> </tr> </tbody> </table>	Năm	Cả nước	Thành thị	Nông thôn	2005	100,0	25,0	75,0	2008	100,0	26,9	73,1	2012	100,0	30,0	70,0	2014	100,0	30,4	69,6	1,0
	Năm	Cả nước	Thành thị	Nông thôn																		
	2005	100,0	25,0	75,0																		
	2008	100,0	26,9	73,1																		
	2012	100,0	30,0	70,0																		
	2014	100,0	30,4	69,6																		
	- Giai đoạn 2005 - 2014 cơ cấu lao động đang làm việc phân theo thành thị và nông thôn của nước ta có sự chênh lệch lớn: tỉ lệ lao động nông thôn luôn cao hơn thành thị (dẫn chứng).	0,5																				
	+ Tỉ lệ lao động thành thị có xu hướng tăng, tỉ lệ lao động nông thôn có xu hướng giảm (dẫn chứng).	0,5																				
b) Những mặt mạnh của nguồn lao động nước ta:																						
- Nguồn lao động dồi dào và tăng nhanh và tăng nhanh.	0,25																					
- Có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, thủ công nghiệp.	0,25																					
- Có khả năng tiếp thu khoa học kĩ thuật.	0,25																					
- Chất lượng nguồn lao động đang được nâng cao.	0,25																					
Câu 4 5,5 điểm	a) Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế nước ta năm 2002 và 2014.																					
	- Vẽ hai biểu đồ hình tròn (biểu đồ khác không cho điểm) - Yêu cầu: vẽ chính xác, ghi đầy đủ số liệu, tên biểu đồ, chú giải, trình bày sạch, đẹp... (sai hoặc thiếu một ý trừ 0,25 điểm)	2,0																				
	b) Nhận xét về sự chuyển dịch cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế giai đoạn 2002 - 2014. Ý nghĩa của sự chuyển dịch.																					
	* Nhận xét:																					
	- Giai đoạn 2002 - 2014 cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta có sự thay đổi rõ rệt:	0,25																				
	+ Tỉ trọng thành phần kinh tế Nhà nước có xu hướng giảm nhưng vẫn giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế (dẫn chứng).	0,5																				
	+ Tỉ trọng kinh tế tập thể có xu hướng giảm (dẫn chứng).	0,25																				
	+ Tỉ trọng kinh tế tư nhân có xu hướng tăng (dẫn chứng).	0,25																				
+ Tỉ trọng kinh tế cá thể tăng nhẹ (dẫn chứng).	0,25																					

	+ Tỉ trọng kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh. (dẫn chứng).	0,5
	* Ý nghĩa của sự chuyển dịch:	
	- Sự chuyển dịch trên là tích cực phù hợp với đường lối phát triển kinh tế nhiều thành phần và xu thế hội nhập. CNH, HĐH	0,75
	- Huy động hiệu quả nguồn lực các thành phần kinh tế tham gia sản xuất, tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập cho xã hội...	0,75
Câu 5 5,5 điểm	a) Những điều kiện thuận lợi và khó khăn trong phát triển công nghiệp vùng Đông Nam Bộ.	
	* Thuận lợi:	
	- Vị trí: giáp với Tây Nguyên, Đồng bằng sông Cửu Long, Duyên hải Nam Trung Bộ, vùng biển giàu tiềm năng => thuận lợi giao lưu với các vùng trong nước và nước ngoài bằng các loại hình giao thông vận tải.	0,25
	+ Tiếp giáp với các vùng lân cận được cung cấp nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm công nghiệp.	0,25
	- Khoáng sản: + Thềm lục địa có dầu mỏ, khí đốt trữ lượng lớn (kể tên các mỏ) => phát triển công nghiệp khai thác và chế biến dầu khí.	0,5
	+ Trên đất liền có một số loại khoáng sản như đất sét, cao lanh. phát triển một số ngành công nghiệp.	0,25
	- Nguồn thủy năng: các sông có giá trị thủy điện lớn chiếm 20% trữ năng thủy điện của cả nước.	0,5
	- Nguồn nguyên liệu dồi dào từ sản phẩm cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi, thủy sản => phát triển công nghiệp chế biến.	0,5
	- Nguồn lao động dồi dào, có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, năng động...	0,25
	- Cơ sở vật chất kỹ thuật và cơ sở hạ tầng hoàn thiện nhất cả nước.	0,25
	- Chính sách đầu tư phát triển công nghiệp, có sức thu hút mạnh mẽ vốn đầu tư nước ngoài.	0,25
	- Thị trường trong và ngoài nước ngày càng mở rộng.	0,25
	* Khó khăn:	
	- Trên đất liền ít khoáng sản.	0,25
	- Mùa khô kéo dài ảnh hưởng đến dự trữ nước ở các hồ thủy điện.	0,25
	- Nguy cơ ô nhiễm môi trường do chất thải công nghiệp cao.	0,25
	b) Kể tên các ngành công nghiệp trọng điểm vùng Đông Nam Bộ, ngành công nghiệp này phát triển dựa trên những thế mạnh.	
- Các ngành công nghiệp trọng điểm vùng Đông Nam Bộ: công nghiệp khai thác nhiên liệu, điện, cơ khí - điện tử, hóa chất, vật liệu xây dựng, dệt may, chế biến lương thực thực phẩm.	0,75	
- Phát triển dựa trên các thế mạnh: khoáng sản dầu mỏ, khí đốt trữ lượng lớn, nguồn thủy năng dồi dào, nguồn lao động dồi dào, có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao...	0,75	

----- Hết -----

21/3/17 Nguyễn Tuyết - Hà Long.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KỶ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS NĂM 2017
TỈNH QUẢNG NINH Môn thi: ĐỊA LÍ - Bảng B

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

Ngày thi: **03/3/2017**

Thời gian làm bài: **150 phút, không kể thời gian giao đề**
(Đề thi này có 02 trang)

Câu 1. (3,5 điểm)

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học em hãy:

- a) Trình bày vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ của nước ta.
- b) Nêu ý nghĩa về mặt kinh tế của vị trí địa lí nước ta.

Câu 2. (2,5 điểm)

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học em hãy:

- a) Phân tích đặc điểm địa hình của vùng núi Đông Bắc.
- b) Cho biết khu vực đồi núi của tỉnh Quảng Ninh có thể mạnh phát triển những ngành kinh tế gì?

Câu 3. (3,0 điểm)

Cho bảng số liệu:

Lao động đang làm việc phân theo thành thị và nông thôn của nước ta giai đoạn 2005 - 2014

Đơn vị: nghìn người

Năm	Cả nước	Thành thị	Nông thôn
2005	42774,9	10689,1	32085,8
2008	46460,8	12499,0	33961,8
2012	51422,4	15412,0	36010,4
2014	52744,5	16009,0	36735,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2014 - Nhà xuất bản Thống kê 2014)

- a) Nhận xét sự thay đổi cơ cấu lao động đang làm việc phân theo thành thị và nông thôn của nước ta giai đoạn 2005 - 2014.
- b) Nguồn lao động nước ta có những mặt mạnh gì?

Câu 4. (5,5 điểm)

Cho bảng số liệu:

Cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta năm 2002 và 2014

Đơn vị: %

Các thành phần kinh tế	Năm	
	2002	2014
Kinh tế Nhà nước	38,4	31,9
Kinh tế tập thể	8,0	5,1
Kinh tế tư nhân	8,3	10,9
Kinh tế cá thể	31,6	32,0
Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	13,7	20,1
Tổng	100,0	100,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2014 - Nhà xuất bản Thống kê 2014)

- a) Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế nước ta năm 2002 và 2014.
- b) Nhận xét về sự chuyển dịch cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta giai đoạn 2002 - 2014. Sự chuyển dịch đó có ý nghĩa gì?

Câu 5. (5,5 điểm)

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học em hãy:

- a) Phân tích những điều kiện thuận lợi trong phát triển công nghiệp vùng Đông Nam Bộ.
- b) Xác định trung tâm công nghiệp lớn nhất vùng Đông Nam Bộ (tên trung tâm, quy mô, cơ cấu ngành).

----- Hết -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam (Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam); không được sử dụng các tài liệu khác.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh: Số báo danh:

Chữ kí của cán bộ coi thi 1: Chữ kí của cán bộ coi thi 2:

Câu	Sơ lược lời giải	Điểm
Câu 1 3,5 điểm	a) Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ của nước ta.	
	- Việt Nam nằm ở khu vực Đông Nam Á, toàn vẹn lãnh thổ bao gồm đất liền, vùng biển và vùng trời.	0,25
	- Phân đất liền: + Diện tích: 331 212 km ² + Các điểm cực:	0,25
	Bắc: Lũng Cú - Đông Văn - Hà Giang (23 ⁰ 23' B; 105 ⁰ 20' Đ)	0,25
	Nam: Đất Mũi - Ngọc Hiển - Cà Mau (8 ⁰ 34' B; 104 ⁰ 40' Đ)	0,25
	Tây: Sín Thầu - Mường Nhé - Điện Biên (22 ⁰ 22' B; 102 ⁰ 09' Đ)	0,25
	Đông: Vạn Thạnh - Vạn Ninh - Khánh Hòa (12 ⁰ 40' B; 109 ⁰ 24' Đ)	0,25
	(thiếu tọa độ địa lí trừ 0,25đ)	
	+ Phía bắc giáp Trung Quốc, phía tây giáp Lào và Cam-pu-chia, phía đông giáp Biển Đông.	0,25
	- Vùng biển: + Diện tích khoảng 1 triệu km ² . + Các đảo xa nhất về phía đông thuộc quần đảo Trường Sa.	0,25 0,25
- Vùng trời: khoảng không gian bao trùm lên trên lãnh thổ nước ta cả phần đất liền và phần biển.	0,25	
b) Ý nghĩa về mặt kinh tế của vị trí địa lí.		
- Thuận lợi giao lưu kinh tế với các nước trong khu vực và thế giới bằng nhiều loại hình giao thông vận tải.	0,5	
- Giáp vùng biển giàu tiềm năng thuận lợi cho phát triển mạnh kinh tế biển và giao lưu quốc tế.	0,5	
Câu 2 2,5 điểm	a) Đặc điểm địa hình của vùng núi Đông Bắc.	
	- Vùng núi Đông Bắc nằm từ tả ngạn sông Hồng đi từ dãy Con Voi đến vùng đồi núi ven biển Quảng Ninh.	0,25
	- Độ cao trung bình: 600 - 700 m chủ yếu là đồi núi thấp.	0,25
	- Hướng nghiêng chung: địa hình cao ở phía Bắc, Tây Bắc thấp dần xuống phía Nam, Đông Nam.	0,25
	- Hướng núi chính: chủ yếu là hướng vòng cung gồm các cánh cung (sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều). Ngoài ra còn có các dãy núi hướng Tây Bắc - Đông Nam (dãy Con Voi, dãy Tam Đảo).	0,5
	- Các dạng địa hình chính: phía Bắc và Tây Bắc núi cao, trung tâm và Đông Nam là đồi núi thấp. Vùng có địa hình cácxtơ khá phổ biến.	0,5
	b) Các thế mạnh phát triển kinh tế vùng đồi núi tỉnh Quảng Ninh.	

	- Khai thác khoáng sản (than, đá xây dựng).	0,25																				
	- Trồng rừng, cây công nghiệp (chè) cây dược liệu (quế, hồi), cây ăn quả.	0,25																				
	- Du lịch; chăn nuôi gia súc (trâu, bò, dê)	0,25																				
Câu 3 3,0 điểm	a) Nhận xét sự thay đổi cơ cấu lao động đang làm việc phân theo thành thị và nông thôn của nước ta giai đoạn 2005 - 2014.																					
	* Nhận xét: - Xử lý bảng số liệu: Cơ cấu lao động đang làm việc phân theo thành thị và nông thôn của nước ta giai đoạn 2005 - 2014																					
	Đơn vị: %																					
	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>Cả nước</th> <th>Thành thị</th> <th>Nông thôn</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2005</td> <td>100,0</td> <td>25,0</td> <td>75,0</td> </tr> <tr> <td>2008</td> <td>100,0</td> <td>26,9</td> <td>73,1</td> </tr> <tr> <td>2012</td> <td>100,0</td> <td>30,0</td> <td>70,0</td> </tr> <tr> <td>2014</td> <td>100,0</td> <td>30,4</td> <td>69,6</td> </tr> </tbody> </table>	Năm	Cả nước	Thành thị	Nông thôn	2005	100,0	25,0	75,0	2008	100,0	26,9	73,1	2012	100,0	30,0	70,0	2014	100,0	30,4	69,6	1,0
	Năm	Cả nước	Thành thị	Nông thôn																		
	2005	100,0	25,0	75,0																		
	2008	100,0	26,9	73,1																		
	2012	100,0	30,0	70,0																		
	2014	100,0	30,4	69,6																		
	- Giai đoạn 2005 - 2014 cơ cấu lao động đang làm việc phân theo thành thị và nông thôn của nước ta có sự chênh lệch lớn: tỉ lệ lao động nông thôn luôn cao hơn thành thị (dẫn chứng).	0,5																				
+ Tỉ lệ lao động thành thị có xu hướng tăng, tỉ lệ lao động nông thôn có xu hướng giảm (dẫn chứng).	0,5																					
b) Những mặt mạnh của nguồn lao động nước ta:																						
- Nguồn lao động dồi dào và tăng nhanh và tăng nhanh.	0,25																					
- Có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, thủ công nghiệp.	0,25																					
- Có khả năng tiếp thu khoa học kĩ thuật.	0,25																					
- Chất lượng nguồn lao động đang được nâng cao.	0,25																					
Câu 4 5,5 điểm	a) Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế nước ta năm 2002 và 2014.																					
	- Vẽ hai biểu đồ hình tròn (biểu đồ khác không cho điểm) - Yêu cầu: vẽ chính xác, ghi đầy đủ số liệu, tên biểu đồ, chú giải, trình bày sạch, đẹp... (sai hoặc thiếu một ý trừ 0,25 điểm)	2,0																				
	b) Nhận xét về sự chuyển dịch cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế giai đoạn 2002 - 2014. Ý nghĩa của sự chuyển dịch.																					
	* Nhận xét:																					
	- Giai đoạn 2002 - 2014 cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta có sự thay đổi rõ rệt:	0,25																				
	+ Tỉ trọng thành phần kinh tế Nhà nước có xu hướng giảm nhưng vẫn giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế (dẫn chứng).	0,5																				
	+ Tỉ trọng kinh tế tập thể có xu hướng giảm (dẫn chứng).	0,25																				
	+ Tỉ trọng kinh tế tư nhân có xu hướng tăng (dẫn chứng).	0,25																				
+ Tỉ trọng kinh tế cá thể tăng nhẹ (dẫn chứng).	0,25																					

	+ Tỷ trọng kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh. (dẫn chứng).	0,5
	* Ý nghĩa của sự chuyển dịch:	
	- Sự chuyển dịch trên là tích cực phù hợp với đường lối phát triển kinh tế nhiều thành phần và xu thế hội nhập. CNH, HĐH	0,75
	- Huy động hiệu quả nguồn lực các thành phần kinh tế tham gia sản xuất, tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập cho xã hội...	0,75
Câu 5 5,5 điểm	a) Những điều kiện thuận lợi và khó khăn trong phát triển công nghiệp vùng Đông Nam Bộ.	
	* Thuận lợi:	
	- Vị trí: giáp với Tây Nguyên, Đồng bằng sông Cửu Long, Duyên hải Nam Trung Bộ, vùng biển giàu tiềm năng => thuận lợi giao lưu với các vùng trong nước và nước ngoài bằng các loại hình giao thông vận tải.	0,25
	+ Tiếp giáp với các vùng lân cận được cung cấp nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm công nghiệp.	0,25
	- Khoáng sản:	
	+ Thềm lục địa có dầu mỏ, khí đốt trữ lượng lớn (kể tên các mỏ) => phát triển công nghiệp khai thác và chế biến dầu khí.	0,5
	+ Trên đất liền có một số loại khoáng sản như đất sét, cao lanh. phát triển một số ngành công nghiệp.	0,25
	- Nguồn thủy năng: các sông có giá trị thủy điện lớn chiếm 20% trữ năng thủy điện của cả nước.	0,5
	- Nguồn nguyên liệu dồi dào từ sản phẩm cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi, thủy sản => phát triển công nghiệp chế biến.	0,5
	- Nguồn lao động dồi dào, có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, năng động...	0,25
	- Cơ sở vật chất kỹ thuật và cơ sở hạ tầng hoàn thiện nhất cả nước.	0,25
	- Chính sách đầu tư phát triển công nghiệp, có sức thu hút mạnh mẽ vốn đầu tư nước ngoài.	0,25
	- Thị trường trong và ngoài nước ngày càng mở rộng.	0,25
	* Khó khăn:	
	- Trên đất liền ít khoáng sản.	0,25
	- Mùa khô kéo dài ảnh hưởng đến dự trữ nước ở các hồ thủy điện.	0,25
- Nguy cơ ô nhiễm môi trường do chất thải công nghiệp cao.	0,25	
b) Kể tên các ngành công nghiệp trọng điểm vùng Đông Nam Bộ, ngành công nghiệp này phát triển dựa trên những thế mạnh.		
- Các ngành công nghiệp trọng điểm vùng Đông Nam Bộ: công nghiệp khai thác nhiên liệu, điện, cơ khí - điện tử, hóa chất, vật liệu xây dựng, dệt may, chế biến lương thực thực phẩm.	0,75	
- Phát triển dựa trên các thế mạnh: khoáng sản dầu mỏ, khí đốt trữ lượng lớn, nguồn thủy năng dồi dào, nguồn lao động dồi dào, có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao...	0,75	

----- Hết -----

Chị Hà Nguyệt

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KỶ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS NĂM 2017
TỈNH QUẢNG NINH Môn thi: LỊCH SỬ - Bảng A

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

Ngày thi: **03/3/2017**

Thời gian làm bài: 150 phút, không kể thời gian giao đề

(Đề thi này có 01 trang)

A. PHẦN LỊCH SỬ THẾ GIỚI (8,0 điểm)

Câu 1 (2,5 điểm)

Từ những hiểu biết của mình, em hãy trình bày nhiệm vụ chính của tổ chức Liên hợp quốc. Nêu những việc làm của Liên hợp quốc giúp nhân dân Việt Nam. Qua đó, em đánh giá gì về vai trò của tổ chức này với tình hình quốc tế hiện nay?

Câu 2 (5,5 điểm)

Nêu những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học - kĩ thuật từ năm 1945 đến nay. So với cuộc cách mạng kĩ thuật lần thứ nhất, cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật ngày nay có điểm gì khác? Cuộc cách mạng này đã tạo ra những cơ hội, thách thức như thế nào cho đất nước ta?

B. PHẦN LỊCH SỬ VIỆT NAM (10,0 điểm)

Câu 3 (4,0 điểm)

Vì sao Nguyễn Tất Thành lại ra đi tìm đường cứu nước? Tóm tắt những hoạt động yêu nước của Nguyễn Tất Thành từ năm 1911 đến năm 1918. Hướng đi của Người có gì mới so với những nhà yêu nước trước đó?

Câu 4 (6,0 điểm)

Thực dân Pháp đã thực hiện âm mưu và hành động như thế nào trong cuộc tiến công căn cứ địa Việt Bắc? Trình bày diễn biến, kết quả và ý nghĩa của chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947. Cho biết điểm khác nhau cơ bản giữa chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947 với chiến dịch Biên Giới thu - đông năm 1950.

C. PHẦN LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG (2,0 điểm)

Câu 5 (2,0 điểm)

Tỉnh Quảng Ninh có rất nhiều di tích - danh thắng, trong đó Yên Tử được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt.

- Hãy kể tên các công trình kiến trúc chính ở khu di tích - danh thắng Yên Tử.
- Giới thiệu khái quát về một công trình kiến trúc trong khu di tích - danh thắng đó.
- Qua đó, em cần làm gì để bảo tồn, xây dựng và phát triển khu di tích - danh thắng trên quê hương?

.....Hết.....

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh.....Số báo danh.....

Chữ kí của cán bộ coi thi 1:..... Chữ kí của cán bộ coi thi 2:.....

Câu	Nội dung trả lời	Điểm
	PHẦN LỊCH SỬ THẾ GIỚI (8,0 điểm)	
Câu 1 (2,5 điểm)	* Nhiệm vụ chính của Liên hợp quốc:	
	- Duy trì hòa bình và an ninh thế giới;	0,25
	- Phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của các dân tộc;	0,25
	- Thực hiện sự hợp tác quốc tế về kinh tế, văn hóa, xã hội và nhân đạo...	0,5
	<i>Đây chỉ là gợi ý, học sinh có thể kể những việc làm của Liên hợp quốc giúp đỡ nhân dân Việt Nam và đánh giá vai trò của tổ chức này, ví dụ:</i>	
	* Những việc làm của Liên hợp quốc giúp nhân dân Việt Nam:	
	- Chăm sóc trẻ em, các bà mẹ có thai và nuôi con nhỏ, tiêm chủng phòng dịch, đào tạo nguồn nhân lực, giúp đỡ các vùng bị thiên tai, ngăn chặn các dịch bệnh,...	0,5
- Hỗ trợ về kinh tế, văn hóa, giáo dục,...	0,5	
* Đánh giá vai trò của Liên hợp quốc:		
Liên hợp quốc có vai trò quan trọng đối với tình hình quốc tế hiện nay: duy trì hòa bình an ninh thế giới, hòa giải các xung đột, tranh chấp giữa các quốc gia, giúp các nước phát triển về kinh tế, văn hóa, giáo dục, ...	0,5	
Câu 2 (5,5 điểm)	* Thành tựu cách mạng khoa học - kĩ thuật từ năm 1945 đến nay:	
	Trải qua nửa thế kỉ, cuộc cách mạng đã đạt được những tiến bộ phi thường và những thành tựu kì diệu trên tất cả các lĩnh vực:	0,25
	- Trước hết, trong lĩnh vực khoa học cơ bản, con người đã đạt những phát minh to lớn trong Toán học, Vật lí, Hóa học và Sinh học. Dựa vào những phát minh lớn của các ngành khoa học cơ bản (cừ Đô-li, “Bản đồ gen người”...), con người đã ứng dụng vào kĩ thuật và sản xuất để phục vụ cuộc sống của mình.	0,5
	- Hai là, những phát minh lớn về những công cụ sản xuất mới, trong đó có ý nghĩa quan trọng bậc nhất là sự ra đời của máy tính điện tử, máy tự động và hệ thống máy tự động. Máy tính điện tử được đánh giá là một trong những thành tựu kĩ thuật quan trọng nhất của thế kỉ XX.	0,5
- Ba là, trong tình trạng các nguồn năng lượng thiên nhiên đang ngày càng cạn kiệt, con người đã tìm ra được những nguồn năng lượng mới	0,5	

Câu	Nội dung trả lời	Điểm
	hết sức phong phú và vô tận như năng lượng nguyên tử, năng lượng mặt trời, năng lượng gió,..trong đó năng lượng nguyên tử dần dần được sử dụng phổ biến.	
	- Bốn là, sáng chế những vật liệu mới trong tình hình các vật liệu tự nhiên đang cạn dần trong thiên nhiên. Chất pô-li-me (chất dẻo) đang giữ vị trí quan trọng hàng đầu trong đời sống hằng ngày của con người cũng như trong các ngành công nghiệp...	0,5
	- Năm là, cuộc “cách mạng xanh” trong nông nghiệp với những biện pháp cơ khí hóa, điện khí hóa, thủy lợi hóa, hóa học hóa và những phương pháp lai tạo giống mới, chống sâu bệnh. Nhờ cuộc “cách mạng xanh” này, nhiều nước đã có thể khắc phục được nạn thiếu lương thực, đói ăn kéo dài từ bao đời này.	0,5
	- Sáu là, những tiến bộ thần kì trong lĩnh vực giao thông vận tải và thông tin liên lạc với những máy bay siêu âm khổng lồ, những tàu hỏa tốc độ cao và những phương tiện thông tin liên lạc, phát sóng vô tuyến hết sức hiện đại qua hệ thống vệ tinh nhân tạo.	0,5
	- Con người đã có những bước tiến phi thường, những thành tựu kì diệu trong lĩnh vực chinh phục vũ trụ. Từ việc phóng thành công vệ tinh nhân tạo đầu tiên của Trái Đất, con người đã bay vào vũ trụ (1961) và đặt chân lên Mặt Trăng (1969). Khoa học vũ trụ và du hành vũ trụ ngày càng có nhiều khám phá mới và phục vụ đắc lực trên nhiều phương diện cho cuộc sống của con người trên Trái Đất.	0,5
	* Điểm khác của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật ngày nay với cuộc cách mạng kĩ thuật lần thứ nhất:	
	- Cách mạng kĩ thuật lần thứ nhất có nội dung chủ yếu là cơ khí hóa, còn cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện nay có nội dung phong phú và phạm vi rộng lớn hơn rất nhiều, chủ yếu là tự động hóa cao độ...	0,5
	- Khác với cách mạng kĩ thuật lần thứ nhất, trong cuộc cách mạng này khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, khoa học gắn liền với kĩ thuật và đi trước mở đường cho sản xuất.	0,25
	- Cách mạng khoa học - kĩ thuật ngày nay dễ dàng nhận thấy là thời gian từ phát minh khoa học đến ứng dụng vào sản xuất ngày càng rút ngắn, có hiệu quả kinh tế ngày càng cao...	0,25
	* Cơ hội, thách thức:	
	- Cơ hội: + Tạo điều kiện cho Việt Nam ứng dụng thành tựu khoa học - kĩ thuật của thế giới để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.	0,25

Câu	Nội dung trả lời	Điểm
	+ Tạo điều kiện tăng cường, <u>hợp tác và khai thác</u> nguồn vốn đầu tư của nước ngoài, rút ngắn khoảng cách giữa nước ta với các nước trên thế giới...	0,25
	- Thách thức: điều kiện nước ta còn nghèo nàn, trình độ phát triển thấp, gây khó khăn trong quá trình hội nhập...	0,25
Câu 3 (4,0 điểm)	<p style="text-align: center;">PHẢN LỊCH SỬ VIỆT NAM (10,0 điểm)</p> <p>* Lí do Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước:</p> <p>- Nguyễn Tất Thành sinh ngày 19 - 5 - 1890, trong một gia đình trí thức yêu nước ở Nam Đàn, Nghệ An.</p> <p>- Người sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh nước nhà bị mất vào tay thực dân Pháp, nhiều cuộc khởi nghĩa và phong trào cách mạng nổ ra nhưng đều thất bại</p> <p>- Tuy khâm phục Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu, Hoàng Hoa Thám,... nhưng Người không tán thành đường lối hoạt động của họ nên quyết định tìm đường cứu nước mới cho dân tộc.</p> <p>* Tóm tắt hoạt động chính của Nguyễn Tất Thành từ năm 1911 đến năm 1918:</p> <p>- Năm 1911, Người ra đi tìm đường cứu nước tại cảng Nhà Rồng (Sài Gòn). Cuộc hành trình của Người kéo dài 6 năm qua nhiều nước châu Phi, châu Mỹ, Châu Âu.</p> <p>- Năm 1917 Nguyễn Tất Thành trở lại Pháp. Ở đây Người đã làm rất nhiều nghề, học tập, rèn luyện trong quần chúng lao động và giai cấp công nhân Pháp.</p> <p>- Tại Pháp, Người tích cực hoạt động cách mạng, tiếp nhận ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga, tư tưởng của Người dần có những biến chuyển.</p> <p>- Những hoạt động yêu nước của Người tuy mới chỉ là bước đầu nhưng là điều kiện để Người xác định con đường cứu nước đúng cho dân tộc Việt Nam.</p> <p>* Con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc khác với con đường của các nhà yêu nước chống Pháp trước đó:</p> <p>- Các bậc tiền bối đều chọn con đường đi sang Phương Đông để cầu viện giúp Việt Nam đánh Pháp...</p> <p>- Nguyễn Ái Quốc lựa chọn con đường đi sang Phương Tây, nơi có tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái, có khoa học kỹ thuật và nền văn minh phát triển. Trong quá trình đó, Người <u>bắt gặp chân lí cứu nước là chủ nghĩa Mác – Lê-nin</u> và <u>xác định con đường cứu nước theo Cách mạng tháng Mười Nga.</u></p>	<p></p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p></p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p></p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>

Câu	Nội dung trả lời	Điểm
	- Đây là con đường cứu nước duy nhất đúng đắn với dân tộc ta vì nó phù hợp với sự phát triển của lịch sử.	0,25
Câu 4 (6,0 điểm)	* Âm mưu của thực dân Pháp:	
	- Để giải quyết khó khăn do phạm vi chiếm đóng mở rộng và thực hiện kế hoạch “Đánh nhanh thắng nhanh”, tháng 3 - 1947, Pháp cử Bô-la-éc làm Cao ủy Pháp ở Đông Dương với âm mưu tập hợp những phần tử Việt gian phản động, lập ra <u>Mặt trận quốc gia thống nhất</u> , tiến tới thành lập một Chính phủ bù nhìn trung ương.	0,5
	- Thực dân Pháp huy động 12 000 quân tinh nhuệ và hầu hết máy bay ở Đông Dương, chia thành ba cánh, tấn công căn cứ địa Việt Bắc nhằm phá tan cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt phần lớn bộ đội chủ lực của ta, khoá chặt biên giới Việt - Trung, ngăn chặn liên lạc giữa ta với quốc tế...	0,5
	* Hành động của Pháp:	
	+ Ngày 7 - 10 - 1947, binh đoàn dù đổ quân xuống chiếm Bắc Cạn, Chợ Đồn, Chợ Mới. Cùng ngày hôm đó, binh đoàn bộ từ Lạng Sơn đánh lên Cao Bằng, rồi đánh xuống Bắc Cạn... + Ngày 9 - 10 - 1947, binh đoàn hỗn hợp thủy, bộ ngược sông Hồng, sông Lô, sông Gâm lên Tuyên Quang...	0,75
	* Diễn biến:	
	- Thực hiện chỉ thị của Trung ương, quân dân ta đã anh dũng chiến đấu, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, bẻ gãy từng gọng kìm của chúng.	0,5
	- Tại Bắc Cạn, quân dân ta kịp thời phản công, chủ động bao vây, chia cắt, tập kích nơi địch chiếm đóng, phục kích địch kết hợp với di chuyển các cơ quan, các công xưởng, kho tàng đến nơi an toàn.	0,5
- Ở hướng Đông, quân ta phục kích chặn đánh địch trên Đường số 4, tiêu biểu là trận đánh phục kích trên đường Bản Sao - đèo Bông Lau ngày 30 - 10 - 1947.	0,5	
- Ở hướng Tây, quân ta phục kích chặn đánh nhiều trận trên sông Lô, tiêu biểu là trận tại Đuan Hùng (cuối tháng 10 - 1947) và Khe Lau, ngã ba sông Lô và sông Gâm (đầu tháng 11 - 1947), đánh chìm nhiều tàu chiến và ca nô của địch.	0,5	
* Kết quả: cuộc chiến đấu liên tục 75 ngày đêm đã kết thúc bằng cuộc rút chạy của đại bộ phận quân Pháp khỏi Việt Bắc. Căn cứ địa Việt Bắc trở thành “ <u>mồ chôn giặc Pháp</u> ”. Cơ quan đầu não kháng chiến được bảo toàn. Bộ đội chủ lực của ta ngày càng trưởng thành.	0,75	

Câu	Nội dung trả lời	Điểm
	<p>* Ý nghĩa:</p> <p>- Chứng minh sự <u>đúng đắn</u> của đường lối kháng chiến lâu dài, toàn dân, toàn diện của Đảng. Chiến thắng này đã <u>đánh bại</u> hoàn toàn kế hoạch “Đánh nhanh thắng nhanh” của địch.</p>	0,5
	<p>- Đưa cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược bước sang giai đoạn mới, buộc chúng phải chuyển sang “đánh lâu dài” với ta.</p>	0,5
	<p>* Điểm khác nhau cơ bản giữa chiến dịch Việt Bắc năm 1947 với chiến dịch Biên Giới năm 1950:</p>	
	<p>- Chiến dịch Việt Bắc thu - đông: địch chủ động tấn công ta, ta phản công, tiêu diệt địch...</p>	0,25
	<p>- Chiến dịch Biên giới thu - đông: ta chủ động tấn công, tiêu diệt địch, địch bị động đối phó lại với ta...</p>	0,25
	PHẦN LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG (2,0 điểm)	
Câu 5 (2,0 điểm)	<p>a. Tên các công trình kiến trúc chính ở khu di tích - danh thắng Yên Tử.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chùa Giải Oan - Chùa Hoa Yên - Chùa Một Mái - Chùa Đồng 	0,5
	<p>b. Giới thiệu một công trình kiến trúc trong khu di tích – danh thắng Yên Tử</p> <p>- Học sinh chọn một công trình trong khu di tích để giới thiệu (yêu cầu học sinh phải giới thiệu được đặc điểm kiến trúc, giá trị văn hóa - lịch sử, cảnh quan...)</p> <p>- Giám khảo chấm có thể tham khảo tư liệu về bốn công trình kiến trúc chính trong khu di tích - danh thắng Yên Tử có đính kèm phụ lục.</p>	1,0
	<p>c. Học sinh có thể trình bày một số việc làm của mình, ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tích cực đóng góp, giữ gìn, bảo tồn, xây dựng phát triển khu di tích - danh thắng... 	0,25
	<p>- Tuyên truyền, giới thiệu cho mọi người về vẻ đẹp, giá trị văn hóa, lịch sử, ...</p>	0,25

----- Hết -----

Lưu ý khi chấm: Trong quá trình làm bài, thí sinh có thể không trình bày y như đáp án trên mà có cách diễn đạt khác nhưng vẫn đảm bảo chính xác các nội dung theo đề bài yêu cầu. Vì vậy, tùy từng bài cụ thể của thí sinh mà giám khảo chấm và cho điểm linh hoạt. Tổng điểm bài thi 20 điểm. Phần lẻ tính đến 0,25 điểm. Không làm tròn điểm.

PHỤ LỤC ĐỈNH KÈM (CÂU 5)

1. Chùa Giải Oan:

Chùa được xây dựng vào thời Trần, ở độ cao 50m, nằm khiêm nhường dưới tán rừng rậm rạp, cửa nhìn xuống dòng suối Giải Oan, trùng với tên chùa.

Tương truyền, một số trong các cung phi bị chết đuối nên Trần Nhân Tông cho dựng chùa thờ cúng để giải oan cho các linh hồn nên chùa có tên là Giải Oan. Đi một đoạn nữa ta bắt gặp một con đường mòn, con đường này do Trần Nhân Tông khi đến mở, ven đường là hai hàng tùng cổ thụ có tuổi thọ 700 năm vươn tán khổng lồ che rợp con đường lên cửa Phật...

2. Chùa Hoa Yên (Vân Yên):

Chùa ở độ cao 534m tọa lạc trên triền núi nhô ra tựa trán rồng. Chùa Hoa Yên được xây vào thời Nguyễn, theo kiến trúc chữ đình, năm gian tiền đường và hậu cung. Xưa có tên là Vân Yên - Chùa chính, chùa cả, chùa Yên Tử. Sau khi vua Trần viên tịch, sang thời Pháp Loa chùa mới được dựng nguy nga và trở thành trung tâm Phật giáo của Đại Việt.

Hằng năm các tầng ni cả nước lại về đây nghe Tổ Trúc Lâm truyền giảng. Nơi đây đã nhiều lần được đón các hoàng đế, vương hầu... về thăm. Họ để lại lưu bút, đề thờ, trồng cây kỉ niệm... Từ Hoa Yên rẽ trái sẽ tới “am Thiên Định” là nơi xưa kia Trần Nhân Tông thường tham thiền nhập định...

3. Chùa Một Mái:

Chùa có 4 gian chiều ngang hẹp, có chỗ chừa đầy 2m, tượng và đồ thờ được chạm bằng đá trắng. Gian ngoài chùa là mái vòm hang động. Ngoài cửa, bên cạnh lối vào chùa có một cây mai mọc bên sườn núi, cành rủ xuống la đà, vờn tóc người qua lại. Đứng bên hiên chùa Một Mái ta có thể bao quát xuống dưới núi và dòng suối Giải Oan...

4. Chùa Đồng:

Đỉnh cao nhất của Yên Tử có một tảng đá vuông thật lớn nằm trên mặt phẳng cao 1068 m. Trên đỉnh chóp này là một ngôi chùa làm bằng đồng – **chùa Đồng**. Trong chùa thờ tượng Quan Âm Bồ Tát. Chuông và đồ thờ khác cũng được làm bằng đồng nên chùa có tên là chùa Đồng. Chùa được đã được trùng tu nhiều lần. Mới đây, chùa được xây lại theo kiểu chữ đình mô phỏng hình dáng một bông hoa sen đang nở, ngự trên sập đồng, chạm trổ hình hoa sen cách điệu càng làm tăng vẻ bề thế, trang trọng của ngôi chùa.

Đứng trên núi Yên Tử vào ngày trời quang tá có thể nhìn thấy một vùng đồi núi nhấp nhô như sóng . Dưới chân núi thị xã Uông Bí, mỏ than Vàng Danh xa xa là Vịnh Hạ Long. Dòng sông Bạch Đằng gợi nhớ một chiến tích oai hùng...

Chị Hòa Nguyệt

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KỶ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS NĂM 2017
TỈNH QUẢNG NINH Môn thi: LỊCH SỬ - Bảng B

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

Ngày thi: **03/3/2017**

Thời gian làm bài: 150 phút, không kể thời gian giao đề

(Đề thi này có 01 trang)

A. PHẦN LỊCH SỬ THẾ GIỚI (8,0 điểm)

Câu 1 (2,5 điểm)

Từ những hiểu biết của mình, em hãy trình bày nhiệm vụ chính của tổ chức Liên hợp quốc. Nêu những việc làm của Liên hợp quốc giúp nhân dân Việt Nam. Qua đó, em đánh giá gì về vai trò của tổ chức này với tình hình quốc tế hiện nay?

Câu 2 (5,5 điểm)

Nêu những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học - kỹ thuật từ năm 1945 đến nay. Cho biết cơ hội và thách thức của Việt Nam trước sự phát triển của khoa học - kỹ thuật và xu thế toàn cầu hiện nay.

B. PHẦN LỊCH SỬ VIỆT NAM (10,0 điểm)

Câu 3 (4,0 điểm)

Vi sao Nguyễn Tất Thành lại ra đi tìm đường cứu nước? Tóm tắt những hoạt động yêu nước của Nguyễn Tất Thành từ năm 1911 đến năm 1918. Hướng đi của Người có gì mới so với những nhà yêu nước trước đó?

Câu 4 (6,0 điểm)

Tại sao ta mở chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950? Trình bày diễn biến, kết quả và ý nghĩa của chiến dịch này.

C. PHẦN LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG (2,0 điểm)

Câu 5 (2,0 điểm)

Tỉnh Quảng Ninh có rất nhiều di tích - danh thắng, trong đó Yên Tử được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt.

- Hãy kể tên các công trình kiến trúc chính ở khu di tích - danh thắng Yên Tử.
- Giới thiệu khái quát về một công trình kiến trúc trong khu di tích - danh thắng đó.
- Qua đó, em cần làm gì để bảo tồn, xây dựng và phát triển khu di tích - danh thắng trên quê hương?

.....Hết.....

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh.....Số báo danh.....

Chữ kí của cán bộ coi thi 1:..... Chữ kí của cán bộ coi thi 2:.....

Câu	Nội dung trả lời	Điểm
	PHẦN LỊCH SỬ THẾ GIỚI (8,0 điểm)	
Câu 1 (2,5 điểm)	* Nhiệm vụ chính của Liên hợp quốc:	
	- Duy trì hòa bình và an ninh thế giới;	0,25
	- Phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của các dân tộc;	0,25
	- Thực hiện sự hợp tác quốc tế về kinh tế, văn hóa, xã hội và nhân đạo...	0,5
	<i>Đây chỉ là gợi ý, học sinh có thể kể những việc làm của Liên hợp quốc giúp đỡ nhân dân Việt Nam và đánh giá vai trò của tổ chức này, ví dụ:</i>	
	* Những việc làm của Liên hợp quốc giúp nhân dân Việt Nam:	
	- Chăm sóc trẻ em, các bà mẹ có thai và nuôi con nhỏ, tiêm chủng phòng dịch, đào tạo nguồn nhân lực, giúp đỡ các vùng bị thiên tai, ngăn chặn các dịch bệnh,...	0,5
- Hỗ trợ về kinh tế, văn hóa, giáo dục,...	0,5	
	* Đánh giá vai trò của Liên hợp quốc:	
	Liên hợp quốc có vai trò quan trọng đối với tình hình quốc tế hiện nay: duy trì hòa bình an ninh thế giới, hòa giải các xung đột, tranh chấp giữa các quốc gia; giúp các nước phát triển về kinh tế, văn hóa, giáo dục, ...	0,5
Câu 2 (5,5 điểm)	* Những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học - kĩ thuật từ năm 1945 đến nay:	0,5
	Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật đã được những tiên bộ phi thường và những thành tựu kì diệu trên tất cả các lĩnh vực:	
	- Trước hết, trong lĩnh vực <i>khoa học cơ bản</i> , con người đã đạt những phát minh to lớn trong <i>Toán học, Vật lí, Hóa học và Sinh học</i> . Dựa vào những phát minh lớn của các ngành khoa học cơ bản (cừ Đô-li, “Bản đồ gen người”...), con người đã ứng dụng vào kĩ thuật và sản xuất để phục vụ cuộc sống của mình.	0,5
	- Hai là, những phát minh lớn về <i>những công cụ sản xuất mới</i> , trong đó có ý nghĩa quan trọng bậc nhất là sự ra đời của <i>máy tính điện tử, máy tự động và hệ thống máy tự động</i> . Máy tính điện tử được đánh giá là một	0,5

Câu	Nội dung trả lời	Điểm
	trong những thành tựu kĩ thuật quan trọng nhất của thế kỉ XX.	
	- <i>Ba là</i> , trong tình trạng các nguồn năng lượng thiên nhiên đang ngày càng cạn kiệt, con người đã tìm ra được <i>những nguồn năng lượng mới</i> hết sức phong phú và vô tận như năng lượng nguyên tử, năng lượng mặt trời, năng lượng gió,...trong đó năng lượng nguyên tử dần dần được sử dụng phổ biến.	0,5
	- <i>Bốn là</i> , sáng chế <i>những vật liệu mới</i> trong tình hình các vật liệu tự nhiên đang cạn dần trong thiên nhiên. <i>Chất pô-li-me (chất dẻo)</i> đang giữ vị trí quan trọng hàng đầu trong đời sống hằng ngày của con người cũng như trong các ngành công nghiệp...	0,5
	- <i>Năm là</i> , cuộc " <i>cách mạng xanh</i> " trong nông nghiệp với những biện pháp cơ khí hóa, điện khí hóa, thủy lợi hóa, hóa học hóa và những phương pháp lai tạo giống mới, chống sâu bệnh. Nhờ cuộc " <i>cách mạng xanh</i> " này, nhiều nước đã có thể khắc phục được nạn thiếu lương thực, đói ăn kéo dài từ bao đời này.	0,5
	- <i>Sáu là</i> , những tiến bộ thần kì trong lĩnh vực <i>giao thông vận tải và thông tin liên lạc</i> với những máy bay siêu âm khổng lồ, những tàu hỏa tốc độ cao và những phương tiện thông tin liên lạc, phát sóng vô tuyến hết sức hiện đại qua hệ thống vệ tinh nhân tạo.	0,5
	- Con người đã có những bước tiến phi thường, những thành tựu kì diệu trong lĩnh vực <i>chinh phục vũ trụ</i> . Từ việc phóng thành công vệ tinh nhân tạo đầu tiên của Trái Đất, con người đã bay vào vũ trụ (1961) và đặt chân lên Mặt Trăng (1969). Khoa học vũ trụ và du hành vũ trụ ngày càng có nhiều khám phá mới và phục vụ đắc lực trên nhiều phương diện cho cuộc sống của con người trên Trái Đất.	0,5
	* Cơ hội và thách thức của Việt Nam trước sự phát triển của khoa học - kĩ thuật và xu thế toàn cầu:	
	- Cơ hội: + Việt Nam có thể tiếp thu, vận dụng những thành tựu khoa học - kĩ thuật của thế giới để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nâng cao đời sống nhân dân...	0,5
	+ Tạo điều kiện tăng cường hợp tác và khai thác vốn đầu tư của nước ngoài, rút ngắn khoảng cách giữa nước ta với các nước trên thế giới.	0,5
	- Thách thức: điều kiện nước ta còn nghèo, trình độ phát triển còn thấp gây khó khăn trong quá trình hội nhập	0,5

Câu	Nội dung trả lời	Điểm
Câu 3 (4,0 điểm)	PHẢN LỊCH SỬ VIỆT NAM (10,0 điểm)	
	* Lí do Nguyễn Tất Thành lại ra đi tìm đường cứu nước:	
	- Nguyễn Tất Thành sinh ngày 19 - 5 - 1890, trong một gia đình trí thức yêu nước ở Nam Đàn, Nghệ An.	0,25
	- Người sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh nước nhà bị mất vào tay thực dân Pháp, nhiều cuộc khởi nghĩa và phong trào cách mạng nổ ra nhưng đều thất bại.	0,25
	- Tuy khâm phục Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu, Hoàng Hoa Thám,... nhưng Người không tán thành đường lối hoạt động của họ nên quyết định tìm đường cứu nước mới cho dân tộc.	0,25
	* Tóm tắt hoạt động chính của Nguyễn Tất Thành từ năm 1911 đến năm 1918:	
	- Năm 1911, Người ra đi tìm đường cứu nước tại cảng Nhà Rồng (Sài Gòn). Cuộc hành trình của Người kéo dài 6 năm qua nhiều nước châu Phi, châu Mỹ, Châu Âu.	0,5
	- Năm 1917, Nguyễn Tất Thành trở lại Pháp. Ở đây Người đã làm rất nhiều nghề, học tập, rèn luyện trong quần chúng lao động và giai cấp công nhân Pháp.	0,5
	- Tại Pháp, Người tích cực hoạt động cách mạng, tiếp nhận ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga, tư tưởng của Người dần có những biến chuyển.	0,5
	- Những hoạt động yêu nước của Người tuy mới chỉ là bước đầu nhưng là điều kiện để Người xác định con đường cứu nước đúng cho dân tộc Việt Nam.	0,5
	* Con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc khác với con đường của các nhà yêu nước chống Pháp trước đó:	
	- Các bậc tiền bối đều chọn con đường đi sang Phương Đông để cầu viện giúp Việt Nam đánh Pháp.	0,5
	- Nguyễn Ái Quốc lựa chọn con đường đi sang Phương Tây, nơi có tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái, có khoa học kỹ thuật và nền văn minh phát triển. Trong quá trình đó, Người bắt gặp chân lí cứu nước là chủ nghĩa Mác - Lê-nin và xác định con đường cứu nước theo Cách mạng tháng Mười Nga.	0,5
	- Đây là con đường cứu nước duy nhất đúng đắn với dân tộc ta vì nó phù hợp với sự phát triển của lịch sử.	0,25

Câu	Nội dung trả lời	Điểm
Câu 4 (6,0 điểm)	* Ta mở chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950, vì: - Cách mạng Trung Quốc thắng lợi (1 - 10 - 1949), tình hình thế giới và Đông Dương có lợi cho cuộc kháng chiến của ta.	0,25
	- Pháp liên tiếp bị thất bại trên chiến trường và lệ thuộc vào Mỹ nhiều hơn. Mỹ ngày càng can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh ở Đông Dương.	0,5
	- Pháp thực hiện "Kế hoạch Rơ-ve", nhằm khóa chặt biên giới Việt - Trung, thiết lập "Hành lang Đông - Tây", chuẩn bị kế hoạch có quy mô lớn nhằm tiến công lên Việt Bắc lần thứ hai.	0,5
	- Chủ trương của ta: tháng 6 - 1950, Trung ương Đảng và Chính phủ quyết định mở chiến dịch Biên giới, nhằm tiêu diệt một bộ phận lực lượng địch, khai thông biên giới, mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc.	0,75
	* Diễn biến: - Quân ta tiêu diệt Đông Khê (sáng 18 - 9), uy hiếp Thất Khê, thị xã Cao Bằng bị cô lập; hệ thống phòng ngự của địch trên Đường số 4 bị lung lay.	0,5
	- Quân Pháp ở Cao Bằng được lệnh rút theo Đường số 4, lực lượng của chúng ở Thất Khê cũng được lệnh đánh Đông Khê để đón cánh quân từ Cao Bằng xuống, cùng rút về xuôi.	0,5
	- Quân ta mai phục, chặn đánh địch trên con Đường số 4, làm cho hai cánh quân của chúng không gặp nhau được, quân Pháp phải rút khỏi Đường số 4 (22 - 10 - 1947)	0,5
	* Kết quả: - Sau hơn một tháng chiến đấu (16 - 9 đến 22 - 10 - 1950), ta giải phóng được tuyến Biên giới Việt - Trung từ Cao Bằng đến Đình Lập với 35 vạn dân.	0,5
	- "Hành lang Đông - Tây" bị chọc thủng thủng ở Hòa Bình. - Thế bao vây cả trong lẫn ngoài của địch đối với căn cứ địa Việt Bắc bị phá vỡ. Kế hoạch Rơ-ve của Pháp bị phá sản.	0,5
	* Ý nghĩa: - Chiến dịch Biên Giới thu - đông 1950 kết thúc thắng lợi mở đầu cho giai đoạn quân ta giành quyền chủ động đánh địch trên chiến trường chính Bắc Bộ.	0,5
- Chứng minh sự trưởng thành của quân đội và cuộc kháng chiến của quân dân ta...	0,5	

Câu	Nội dung trả lời	Điểm
	- Sau chiến thắng này, quân ta chủ động mở các chiến dịch tiến công và phản công địch trên chiến trường chính Bắc Bộ ^{0,25} và thu được nhiều thắng lợi.	0,5
Câu 5 (2,0 điểm)	PHẦN LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG (2,0 điểm)	
	a. Tên các công trình kiến trúc chính ở khu di tích – danh thắng Yên Tử: <ul style="list-style-type: none"> - Chùa Giải Oan - Chùa Hoa Yên - Chùa Một Mái - Chùa Đồng 	0,5
	b. Giới thiệu một công trình kiến trúc trong khu di tích – danh thắng Yên Tử <i>- Học sinh chọn một công trình trong khu di tích để giới thiệu (yêu cầu học sinh phải giới thiệu được đặc điểm kiến trúc, giá trị văn hóa - lịch sử, cảnh quan...)</i> <i>- Giám khảo chấm có thể tham khảo tư liệu về bốn công trình kiến trúc chính trong khu di tích - danh thắng Yên Tử có đính kèm phụ lục.</i>	1,0
	c. Học sinh có thể trình bày một số việc làm của mình, ví dụ: <ul style="list-style-type: none"> - Tích cực đóng góp, giữ gìn, bảo tồn, xây dựng phát triển khu di tích - danh thắng... 	0,25
	- Tuyên truyền, giới thiệu cho mọi người về vẻ đẹp, giá trị văn hóa, lịch sử ,...	0,25

----- Hết -----

Lưu ý khi chấm: Trong quá trình làm bài, thí sinh có thể không trình bày y như đáp án trên mà có cách diễn đạt khác nhưng vẫn đảm bảo chính xác các nội dung theo đề bài yêu cầu. Vì vậy, tùy từng bài cụ thể của thí sinh mà giám khảo chấm và cho điểm linh hoạt. Tổng điểm bài thi 20 điểm. Phần lẻ tính đến 0,25 điểm. Không làm tròn điểm.

PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM (CÂU 5)

1. Chùa Giải Oan:

Chùa được xây dựng vào thời Trần, ở độ cao 50m, nằm khiêm nhường dưới tán rừng rậm rạp, cửa nhìn xuống dòng suối Giải Oan, trùng với tên chùa.

Tương truyền, một số trong các cung phi bị chết đuối nên Trần Nhân Tông cho dựng chùa thờ cúng để giải oan cho các linh hồn nên chùa có tên là Giải Oan. Đi một đoạn nữa ta bắt gặp một con đường mòn, con đường này do Trần Nhân Tông khi đến mở, ven đường là hai hàng tùng cổ thụ có tuổi thọ 700 năm vươn tán khổng lồ che rợp con đường lên cửa Phật...

2. Chùa Hoa Yên (Vân Yên):

Chùa ở độ cao 534m tọa lạc trên triền núi nhô ra tựa trán rồng. Chùa Hoa Yên được xây vào thời Nguyễn, theo kiến trúc chữ đình, năm gian tiền đường và hậu cung. Xưa có tên là Vân Yên - Chùa chính, chùa cả, chùa Yên Tử. Sau khi vua Trần viên tịch, sang thời Pháp Loa chùa mới được dựng nguy nga và trở thành trung tâm Phật giáo của Đại Việt.

Hàng năm các tầng ni cả nước lại về đây nghe Tổ Trúc Lâm truyền giảng. Nơi đây đã nhiều lần được đón các hoàng đế, vương hầu... về thăm. Họ để lại lưu bút, đề thờ, trồng cây kỉ niệm... Từ Hoa Yên rẽ trái sẽ tới “am Thiền Định” là nơi xưa kia Trần Nhân Tông thường tham thiền nhập định...

3. Chùa Một Mái:

Chùa có 4 gian chiều ngang hẹp, có chỗ chừa đây 2m, tượng và đồ thờ được chạm bằng đá trắng. Gian ngoài chùa là mái vòm hang động. Ngoài cửa, bên cạnh lối vào chùa có một cây mai mọc bên sườn núi, cành rủ xuống la đà, vờn tóc người qua lại. Đứng bên hiên chùa Một Mái ta có thể bao quát xuống dưới núi và dòng suối Giải Oan...

4. Chùa Đồng:

Đỉnh cao nhất của Yên Tử có một tảng đá vuông thật lớn nằm trên mặt phẳng cao 1068 m. Trên đỉnh chóp này là một ngôi chùa làm bằng đồng – **chùa Đồng**. Trong chùa thờ tượng Quan Âm Bồ Tát. Chuông và đồ thờ khác cũng được làm bằng đồng nên chùa có tên là chùa Đồng. Chùa được đã được trùng tu nhiều lần. Mới đây, chùa được xây lại theo kiểu chữ đình mô phỏng hình dáng một bông hoa sen đang nở, ngự trên sập đồng, chạm trổ hình hoa sen cách điệu càng làm tăng vẻ bề thế, trang trọng của ngôi chùa.

Đứng trên núi Yên Tử vào ngày trời quang tá có thể nhìn thấy một vùng đồi núi nhấp nhô như sóng . Dưới chân núi thị xã Uông Bí, mỏ than Vàng Danh xa xa là Vịnh Hạ Long. Dòng sông Bạch Đằng gợi nhớ một chiến tích oai hùng...

